

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
LIÊN NGÀNH: SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI -
SỞ TÀI CHÍNH - SỞ GIÁO DỤC
VÀ ĐÀO TẠO - BẢO HIỂM
XÃ HỘI HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2852/HD-LN

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2019

HƯỚNG DẪN

Thực hiện Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội;

Thực hiện chỉ đạo của Văn phòng UBND Thành phố tại các Công văn: số 7228/VP-KGVX ngày 02/8/2019 về việc thực hiện Nghị quyết số 04/2019/HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố và số 7910/VP-KGVX ngày 26/8/2019 về việc khẩn trương hướng dẫn thực hiện Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 8/7/2019 của HĐND Thành phố, trong đó: “*Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bảo hiểm xã hội Thành phố khẩn trương thống nhất hoàn thiện, ban hành Hướng dẫn liên ngành thực hiện Nghị quyết số 04/2019/HĐND ngày 08/7/2019 của HĐND Thành phố trên địa bàn Thành phố và hướng dẫn các đơn vị, địa phương thực hiện, đảm bảo kịp thời, đúng đối tượng, đúng quy định*”.

Liên ngành: Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội hướng dẫn thực hiện một số nội dung như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG

Đối tượng được quy định tại Khoản 2, Điều 1, Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.

II. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

Trong hướng dẫn này, một số từ ngữ được hiểu như sau:

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo: được xác định theo mức chuẩn quy định tại Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND thành phố Hà Nội

về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020.

2. Độ tuổi lao động: từ đủ 15 đến đủ 60 tuổi đối với nam và từ đủ 15 đến đủ 55 tuổi đối với nữ.

3. Người không còn khả năng lao động: là người trong độ tuổi lao động mà không có đủ sức khỏe để làm việc mang lại thu nhập; được cơ sở y tế cấp huyện trở lên xác nhận hoặc Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội cấp xã xét duyệt.

4. Người cao tuổi cô đơn là người cao tuổi không có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng, hoặc có người có nghĩa vụ và quyền phụng dưỡng nhưng người này đang hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội hàng tháng. Người khuyết tật nặng, người khuyết tật đặc biệt nặng được xác định theo các quy định của pháp luật về người khuyết tật. Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ là trẻ em có cha hoặc mẹ, người còn lại thuộc một trong các trường hợp sau đây: không xác định được; chết; mất tích theo quy định của pháp luật; đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở bảo trợ xã hội, nhà xã hội; đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

5. Người mắc bệnh hiểm nghèo là người mắc một trong các bệnh: HIV, ung thư, suy thận mãn phải chạy thận nhân tạo, xơ gan giai đoạn mất bù, suy tim độ 4 hoặc các bệnh hiểm nghèo khác theo quy định của cơ quan y tế; có giấy tờ chứng minh về bệnh của cơ sở y tế cấp huyện trở lên.

6. Hội đồng xét duyệt chính sách theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND có thể là Hội đồng xét duyệt trợ giúp xã hội theo quy định của Nghị định số 136/2013/NĐ-CP ngày 21/10/2013 của Chính phủ quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội hoặc do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định thành lập mới.

III. CHÍNH SÁCH

1. Chính sách thứ nhất: Hỗ trợ hàng tháng đối với người cao tuổi cô đơn; người khuyết tật đặc biệt nặng; người mắc bệnh hiểm nghèo

1.1. Điều kiện hỗ trợ: Đối tượng đảm bảo đủ 03 điều kiện sau:

- Là người cao tuổi cô đơn; hoặc người khuyết tật đặc biệt nặng; hoặc người mắc bệnh hiểm nghèo.

- Là thành viên hộ nghèo không có khả năng thoát nghèo hoặc cận nghèo; có trong danh sách hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo được UBND cấp xã quyết định công nhận.

- Hộ gia đình không có người trong độ tuổi lao động hoặc có người trong độ tuổi lao động nhưng người đó không còn khả năng lao động.

1.2. Mức hỗ trợ:

- 1.400.000 đồng/người/tháng đối với người có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại khu vực thành thị (các phường, thị trấn).

- 1.100.000 đồng/người/tháng đối với người có hộ khẩu thường trú và hiện sinh sống tại khu vực nông thôn (các xã).

- Mức hỗ trợ hàng tháng sẽ được điều chỉnh tương ứng khi chuẩn nghèo của Thành phố thay đổi.

1.3. *Thời gian áp dụng:* Chính sách hỗ trợ hàng tháng được thực hiện từ ngày 01/8/2019 và sẽ dừng thực hiện nếu đối tượng không đảm bảo đủ cả 3 điều kiện quy định tại mục 1.1 nêu trên.

- Thời gian bắt đầu thực hiện hỗ trợ: Ghi trong Quyết định hỗ trợ của UBND cấp huyện.

1.4. *Trình tự thực hiện:*

a/ Bước 1: Căn cứ danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo của xã, phường, thị trấn đang quản lý, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách sơ bộ những người thuộc diện được hưởng chính sách trên địa bàn. Hướng dẫn các hộ thuộc diện hỗ trợ viết Giấy đề nghị hỗ trợ và nộp bản phô tô giấy tờ chứng minh về bệnh (nếu là người mắc bệnh hiểm nghèo).

b/ Bước 2: Căn cứ Giấy đề nghị, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố hoàn thiện danh sách các hộ hưởng chính sách gửi Cán bộ làm công tác Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã. Danh sách phải thể hiện rõ tình trạng của từng thành viên trong hộ.

c/ Bước 3: Cán bộ làm công tác Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ đang quản lý về hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội.

d/ Bước 4: UBND cấp xã tổ chức họp Hội đồng xét duyệt chính sách để xét duyệt từng trường hợp. Lập biên bản, kèm theo danh sách những người đủ điều kiện hưởng chính sách theo quy định. Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản lưu tại UBND cấp xã, 01 bản gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện.

đ/ Bước 5: UBND cấp xã gửi biên bản và danh sách những người đủ điều kiện hưởng chính sách đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện.

e/ Bước 6: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện thẩm định, đối chiếu với dữ liệu quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội và trình UBND cấp huyện ra Quyết định phê duyệt danh sách những người được hỗ trợ.

f/ Bước 7: Căn cứ Quyết định phê duyệt danh sách những người được hỗ trợ của UBND cấp huyện, căn cứ dự toán ngân sách được giao, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội chuyên tiền cho UBND cấp xã để thực hiện việc hỗ trợ cho người dân.

g/ Bước 8: UBND cấp xã chi trả tiền hỗ trợ cho người dân trên cơ sở Quyết định phê duyệt danh sách của UBND cấp huyện. Khi thanh toán tiền hỗ trợ cho người dân, UBND cấp xã phải thực hiện ký nhận và gửi chứng từ cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội gồm danh sách có chữ ký của người nhận, kế toán chi và người lập danh sách. Phòng Lao động Thương binh và Xã hội có trách nhiệm rà soát, tổng hợp và quyết toán ngân sách cấp huyện theo quy định.

h/ Một số lưu ý:

- Thời gian hỗ trợ: Việc hỗ trợ được thực hiện hàng tháng, cấp tiền hỗ trợ cho người dân trước ngày 10 của tháng hoặc bố trí thời gian hỗ trợ cùng thời gian chi trả trợ cấp bảo trợ xã hội.

- Thời gian thanh quyết toán: trước ngày 10 của tháng tiếp theo.

- Trường hợp người dân không nhận hỗ trợ tháng này thì được nhận vào tháng kế tiếp. Trường hợp 06 tháng liên tiếp người dân không nhận hỗ trợ thì UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện bằng văn bản (qua phòng Lao động Thương binh và Xã hội) để UBND cấp huyện ra Quyết định tạm dừng hỗ trợ. Trường hợp người dân đi khỏi nơi cư trú quá 06 tháng có lý do chính đáng: đi học, chữa bệnh, thăm người thân, thì được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh. Trường hợp người dân di chuyển nơi cư trú giữa các xã, phường, thị trấn trong cùng quận, huyện, thị xã thì UBND cấp huyện thay đổi nơi nhận trợ cấp sang nơi cư trú mới và được truy lĩnh kinh phí hỗ trợ của những tháng chưa lĩnh. Trường hợp người dân đi khỏi nơi cư trú quá 06 tháng do di chuyển nơi cư trú khác quận, huyện, thị xã thì UBND cấp huyện ra Quyết định dừng hỗ trợ và hoàn trả ngân sách số tiền người dân chưa nhận.

- Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời, UBND cấp xã có trách nhiệm báo cáo bằng văn bản để UBND cấp huyện ra Quyết định dừng hỗ trợ, kể từ tháng tiếp theo sau tháng người được nhận hỗ trợ qua đời. Trường hợp người được nhận hỗ trợ qua đời vào đầu tháng, trước ngày chi trả (đã có tên trong danh sách nhưng chưa nhận hỗ trợ) thì thân nhân (nếu có) nhận hỗ trợ; nếu không có thân nhân nhận hỗ trợ thì hoàn trả ngân sách số tiền người dân chưa nhận.

- Trường hợp người không sinh sống thực tế tại nơi có hộ khẩu thường trú thì thực hiện tại nơi hộ gia đình có tên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (trên địa bàn Thành phố).

2. Chính sách thứ hai: Hỗ trợ 100% mức đóng bảo hiểm y tế cho thành viên hộ gia đình nghèo sau khi được công nhận thoát cận nghèo

2.1. *Đối tượng:* Thành viên hộ gia đình nghèo được UBND cấp xã ra Quyết định công nhận thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo, trở thành hộ có mức sống trung bình trở lên.

2.2. *Mức hỗ trợ:* 100% mức đóng bảo hiểm y tế (BHYT) theo quy định của pháp luật về bảo hiểm y tế.

- Mã thẻ: GD; mức hưởng theo quy định của pháp luật.

2.3. *Thời gian áp dụng:*

Không quá 36 tháng kể từ tháng kế tiếp sau khi hộ gia đình nghèo được công nhận thoát cận nghèo.

2.4. *Trình tự thực hiện:*

a/ Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo đồng thời thoát cận nghèo của UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách người thuộc diện được hưởng chính sách hỗ trợ BHYT trên địa bàn và

kèm theo Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin bảo hiểm xã hội (BHXH), BHYT (Mẫu TK1-TS) của đối tượng.

b/ Bước 2: Cán bộ làm công tác Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ quản lý về BHYT, loại bỏ thẻ BHYT trùng để lập Danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) theo đơn vị hành chính xã, phường, thị trấn; báo cáo UBND cấp xã gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) và Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS) của đối tượng cho Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện.

c/ Bước 3: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện kiểm tra, xác nhận danh sách người đủ điều kiện hưởng BHYT, gửi danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) kèm theo Tờ khai tham gia, điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS) sang Bảo hiểm xã hội cấp huyện (kèm file dữ liệu). Trường hợp danh sách chưa hoàn thiện thì chuyển về UBND cấp xã để bổ sung, hoàn thiện.

d/ Bước 4: Bảo hiểm xã hội cấp huyện in thẻ BHYT

- Chuyển danh sách người chỉ tham gia BHYT (Mẫu D03-TS) đã xác nhận đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện.

- Chuyển thẻ BHYT về UBND cấp xã cùng với biên bản giao thẻ và danh sách cấp thẻ BHYT (Mẫu D10a-TS) để làm cơ sở thanh quyết toán.

đ/ Bước 5: UBND cấp xã trả thẻ BHYT cho người dân.

2.5. Lưu ý:

- UBND cấp xã lập danh sách tăng, giảm đối tượng hàng tháng khi có phát sinh.

- Khi giao nhận thẻ BHYT với cơ quan BHXH huyện phải ký Biên bản giao nhận thẻ BHYT theo đúng ngày giao nhận.

- Lập dự toán, thanh quyết toán theo quy trình thanh toán BHYT đối với đối tượng bảo trợ xã hội.

3. Chính sách thứ ba: Hỗ trợ 100% học phí và hỗ trợ chi phí học tập mức 100.000 đồng/học sinh/tháng cho trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (kể cả học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên) là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo

3.1. Đối tượng: Trẻ em học mẫu giáo, học sinh phổ thông (bao gồm tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, kể cả học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục thường xuyên); là thành viên hộ gia đình nghèo được công nhận thoát nghèo (không phân biệt hộ thoát nghèo trở thành hộ cận nghèo hay thoát nghèo trở thành hộ có mức sống trung bình trở lên).

3.2. Mức hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% học phí. Mức hỗ trợ học phí bằng mức thu học phí đối với các cơ sở giáo dục công lập cụ thể từng địa bàn theo quy định của Hội đồng nhân dân Thành phố.

- Hỗ trợ chi phí học tập 100.000 đồng/tháng/học sinh theo quy định của Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 8/7/2019.

3.3. Thời gian áp dụng:

Theo thời gian học thực tế; không quá 9 tháng/năm học; tối đa không quá 03 năm học kể từ tháng sau khi hộ gia đình được công nhận thoát nghèo.

3.4. Trình tự thực hiện:

a/ Bước 1: Căn cứ Quyết định công nhận danh sách hộ thoát nghèo của UBND cấp xã, trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố lập danh sách học sinh thuộc diện được hưởng chính sách trên địa bàn gửi cán bộ làm công tác Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã.

b/ Bước 2: Cán bộ làm công tác Lao động Thương binh và Xã hội cấp xã đối chiếu thông tin trong danh sách do cấp thôn lập với hồ sơ quản lý về hộ nghèo của xã, phường, thị trấn; lập danh sách học sinh thuộc diện hưởng chính sách, báo cáo UBND cấp xã gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội rà soát, trình UBND cấp huyện ra Quyết định phê duyệt danh sách học sinh được hỗ trợ học phí và chi phí học tập.

c/ Bước 3: UBND cấp xã căn cứ Quyết định của UBND cấp huyện thông báo đến các hộ gia đình có học sinh thuộc diện được hưởng chính sách và hướng dẫn học sinh viết Giấy đề nghị hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập.

d/ Bước 4: Cơ sở giáo dục xác nhận vào Giấy đề nghị cho học sinh.

đ/ Bước 5: Căn cứ Quyết định phê duyệt Danh sách học sinh được hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập của UBND cấp huyện và Giấy đề nghị hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập có xác nhận của cơ sở giáo dục, Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện chịu trách nhiệm chi trả, quyết toán kinh phí hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập trực tiếp bằng tiền mặt cho cha mẹ (hoặc người giám hộ) của học sinh.

3.5. Lưu ý:

- Người học thuộc diện được hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập chỉ phải làm 01 Giấy đề nghị cho 01 năm học.

- Thời gian học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung thì sẽ không được hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập. Cơ sở giáo dục có trách nhiệm thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi học sinh có hộ khẩu thường trú trong trường hợp học sinh bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Thời gian hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập không quá 9 tháng/năm học và chi trả 2 lần trong năm (tháng 10 hoặc tháng 11 và tháng 3 hoặc tháng 4 hàng năm), đảm bảo học sinh nhận được kinh phí hỗ trợ của năm học trước khi kết thúc năm học. Trường hợp cha mẹ (hoặc người giám hộ) trẻ em học mẫu giáo và học sinh chưa nhận tiền hỗ trợ học phí và hỗ trợ chi phí học tập theo thời hạn quy định thì được truy lĩnh trong kỳ chi trả tiếp theo.

4. Chính sách thứ tư: Tiếp nhận đối tượng vào cơ sở bảo trợ xã hội

4.1. Đối tượng:

- Người cao tuổi cô đơn thuộc hộ cận nghèo.
- Trẻ em mồ côi cha hoặc mẹ thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.
- Người khuyết tật nặng thuộc hộ nghèo hoặc hộ cận nghèo.

4.2. Chính sách:

Được tiếp nhận vào các cơ sở Bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội và hưởng chính sách nuôi dưỡng theo độ tuổi và các chính sách khác như các đối tượng đang nuôi dưỡng tại các cơ sở bảo trợ xã hội trực thuộc Sở Lao động Thương binh và Xã hội Hà Nội:

4.3. Thời gian áp dụng:

Kể từ khi có Quyết định tiếp nhận vào cơ sở Bảo trợ xã hội.

4.4. Trình tự thực hiện:

Thực hiện như quy trình, thủ tục tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội vào cơ sở bảo trợ xã hội.

5. Một số lưu ý chung

- Khi Thành phố thay đổi mức chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thì hộ được hưởng chính sách được xác định theo chuẩn mới.

- Không thực hiện chính sách đối với những hộ đã thoát nghèo, thoát cận nghèo trước thời điểm Nghị quyết có hiệu lực.

- Không được yêu cầu công dân nộp thêm giấy tờ khác ngoài những giấy tờ theo Hướng dẫn này.

- Những người đang hưởng lương; lương hưu; trợ cấp hoặc các chính sách khác theo các quy định của Chính phủ thì vẫn được hưởng chính sách quy định theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân Thành phố.

IV. NGUỒN KINH PHÍ

Thực hiện theo đúng quy định tại Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ủy ban nhân dân cấp xã

- Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Ban hành Quyết định công nhận danh sách các hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo để làm cơ sở thực hiện chính sách.

- Thực hiện rà soát lập danh sách người thuộc diện hưởng chính sách theo quy định.

- Tổ chức xét duyệt, chi trả hỗ trợ đảm bảo đúng, đủ, kịp thời, công khai, minh bạch.

- Lập nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hàng năm gửi Phòng Lao động Thương binh và Xã hội để rà soát, tổng hợp gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp

huyện làm căn cứ xây dựng dự toán kinh phí thực hiện chính sách. Thanh quyết toán đối với nội dung chi được giao theo quy định.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện

- Tuyên truyền, phổ biến trên các phương tiện thông tin đại chúng về chủ trương, chính sách của Thành phố để người dân biết, thực hiện và giám sát.

- Chỉ đạo các phòng chuyên môn, UBND cấp xã thực hiện các nhiệm vụ được phân công theo Hướng dẫn này, đảm bảo đúng, đủ, kịp thời. Không được quy định thủ tục giấy tờ gây phiền hà cho dân.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xác nhận cho học sinh đảm bảo đúng quy định, thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi học sinh có hộ khẩu thường trú khi học sinh thuộc diện hưởng chính sách bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

- Vào thời điểm xây dựng dự toán hàng năm, UBND huyện, thị xã, tổng hợp nhu cầu kinh phí bổ sung để thực hiện chính sách, gửi Sở Lao động Thương binh và Xã hội rà soát, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố quyết định bổ sung kinh phí cho các huyện, thị xã để thực hiện.

- Quyết định giao dự toán ngân sách để thực hiện chính sách theo quy định.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện việc thực hiện chính sách theo phân cấp quản lý. Giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định, trả lời thắc mắc kiến nghị của công dân.

- Tổ chức quyết toán kinh phí thực hiện chính sách và tổng hợp báo cáo theo quy định.

3. Sở Lao động Thương binh và Xã hội

- Tuyên truyền, vận động nhóm đối tượng đủ điều kiện tiếp nhận vào cơ sở bảo trợ xã hội.

- Hướng dẫn các quận, huyện, thị xã rà soát, công nhận danh sách thoát nghèo, thoát cận nghèo để làm cơ sở thực hiện chính sách.

- Rà soát, tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách cần bổ sung cho các huyện, thị xã, gửi Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố trình HĐND Thành phố.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện ở địa phương, hướng dẫn giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

- Tổng hợp kết quả thực hiện các chính sách.

4. Sở Tài chính

- Tổng hợp dự toán, trình UBND Thành phố bổ sung kinh phí cho các địa phương theo quy định.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, phối hợp với Sở Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn giải quyết vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo

Chỉ đạo các cơ sở giáo dục trực thuộc xác nhận cho học sinh đảm bảo đúng quy định và thông báo bằng văn bản đến Phòng Lao động Thương binh và Xã hội cấp huyện nơi học sinh có hộ khẩu thường trú khi học sinh thuộc diện hưởng chính sách bị kỷ luật ngừng học hoặc buộc thôi học, học lưu ban, học lại, học bổ sung, chuyển trường.

6. Bảo hiểm xã hội Thành phố

Hướng dẫn Bảo hiểm xã hội các quận, huyện, thị xã thực hiện cấp thẻ BHYT cho đối tượng của Nghị quyết kịp thời, chính xác, tránh trùng thẻ.

Trên đây là Hướng dẫn của Liên ngành Sở Lao động Thương binh và Xã hội - Sở Tài chính - Sở Giáo dục và Đào tạo - Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội thực hiện Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 08/7/2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Sở Lao động Thương binh và Xã hội để phối hợp các đơn vị liên quan giải quyết hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền, giải quyết theo quy định./.

BẢO HIỂM XÃ HỘI Giám đốc <i>M</i>	SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO Giám đốc <i>S</i>	SỞ TÀI CHÍNH Giám đốc <i>M</i>	SỞ LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI Giám đốc
 Nguyễn Đức Hòa	 Chữ Xuân Dũng	 Hải Minh Hải	 Khuất Văn Thành

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (đề b/c);
- UBND các quận, huyện, thị xã;
- Các phòng: LĐTBXH, TC-KH, GD-ĐT các quận, huyện, thị xã;
- BHXH các quận, huyện, thị xã;
- Lưu LN: LĐTBXH, TC, GD-ĐT, BHXH.

DANH MỤC BIỂU, MẪU THAM KHẢO
(Kèm theo Hướng dẫn số 2/852 của Liên ngành)

1. Giấy đề nghị hỗ trợ
2. Danh sách người đủ điều kiện đề nghị hỗ trợ
3. Giấy đề nghị hỗ trợ học phí / hỗ trợ chi phí học tập
4. Mẫu tham khảo Quyết định phê duyệt danh sách người/ học sinh được hỗ trợ
5. Mẫu danh sách kèm theo Quyết định
6. Tờ khai TK1-TS
7. Mẫu D03-TS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ

Chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân
Thành phố

Kính gửi: Ủy ban nhân dân xãhuyện

Họ và tên người đề nghị:

Nơi đăng ký thường trú:

Nơi sinh sống thực tế:

Hiện thuộc diện hộ Nghèo Cận nghèo năm 2019 của xã
huyện , thành phố Hà Nội.

Những thành viên trong hộ:

<i>TT</i>	<i>Họ và tên</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Quan hệ với chủ hộ</i>	<i>Tình trạng sức khỏe, học tập tình trạng lao động, việc làm</i>
			Chủ hộ	

Đề nghị được hưởng chính sách hỗ trợ hàng tháng theo quy định của Nghị
quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội./.

Ngày tháng năm.....
Người viết giấy

DANH SÁCH NHỮNG NGƯỜI ĐỦ ĐIỀU KIỆN
Đề nghị được hỗ trợ hàng tháng theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

<i>TT Hộ</i>	<i>TT người</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách</i>	<i>Năm sinh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Tình trạng sức khỏe, học tập tình trạng lao động, việc làm</i>
1		(tên chủ hộ trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo đang quản lý)				
	1		(Tên người hưởng chính sách)			
	2		(Tên người hưởng chính sách)			
	Cộng	Số hộ:	Số người:			

Ngày tháng năm

Người lập danh sách

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ HỌC PHÍ, HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP
Chính sách đặc thù theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND
của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội

Kính gửi: Phòng Lao động Thương binh và Xã hội quận, huyện, thị xã

.....

Họ và tên học sinh:

Họ và tên chủ hộ:

Hộ khẩu thường trú:

Là học sinh (ghi rõ cấp học):

Tại (ghi rõ tên lớp, tên trường):

Thuộc diện hộ thoát nghèo từ tháng năm của xã
huyện, thành phố Hà Nội.

Đề nghị được hưởng chính sách: Hỗ trợ học phí

Hỗ trợ chi phí học tập

theo quy định của Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội./.

Ngày tháng năm.....
Người viết giấy

XÁC NHẬN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC

Trường:

Xác nhận em:

Hiện đang học tại lớp

Năm học:

....., ngày tháng..... năm.....

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN
.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Danh sách người/ học sinh
Được hưởng chính sách
theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của HĐND Thành phố quy định một số chính sách đặc thù hỗ trợ các đối tượng thuộc hộ gia đình không có khả năng thoát nghèo và hộ gia đình sau khi thoát nghèo ổn định cuộc sống của thành phố Hà Nội.

Căn cứ Quyết định số 12/2016/QĐ-UBND ngày 13/4/2016 của UBND Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình tiếp cận đa chiều của thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ

Xét đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Danh sách (người/ học sinh)
Được hưởng chính sách
theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội.

Điều 2. Thời gian (hỗ trợ hàng tháng/ hỗ trợ học phí/hỗ trợ chi phí học tập) kể từ

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND; chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 4;
.....
- Lưu

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

DANH SÁCH NGƯỜI NHẬN HỖ TRỢ HÀNG THÁNG

theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND của UBND quận, huyện, thị xã...)

<i>TT Hộ</i>	<i>TT người</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Họ và tên người đủ điều kiện hưởng chính sách</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Số tiền được hỗ trợ hàng tháng</i>
1		(Tên chủ hộ trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đang quản lý)			
	1		(Tên người hưởng chính sách)		
	2		(Tên người hưởng chính sách)		
	Tổng số	Số hộ:	Số người:		

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ HỌC PHÍ
 theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố
 (Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND của UBND quận, huyện, thị xã...)

<i>TT Hộ</i>	<i>TT người</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Họ và tên Học sinh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lớp/Trường học</i>
1		(Tên chủ hộ trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo đang quản lý)			
	1		(Tên người hưởng chính sách)		
	2		(Tên người hưởng chính sách)		
	Tổng số	Số hộ	Số học sinh:		

DANH SÁCH HỌC SINH ĐƯỢC HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

theo Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố
(Kèm theo Quyết định số/QĐ-UBND của UBND quận, huyện, thị xã...)

<i>TT Hộ</i>	<i>TT người</i>	<i>Họ và tên chủ hộ</i>	<i>Họ và tên Học sinh</i>	<i>Địa chỉ</i>	<i>Lớp/ Trường học</i>
1		(Tên chủ hộ trong danh sách hộ nghèo, cận nghèo đang quản lý)			
	1		(Tên người hưởng chính sách)		
	2		(Tên người hưởng chính sách)		
	Tổng số	Số hộ:	Số học sinh:		

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI
THAM GIA, ĐIỀU CHỈNH THÔNG TIN BẢO HIỂM XÃ HỘI, BẢO HIỂM Y TẾ
(Áp dụng đối với người tham gia chưa được cấp mã số BHXH và thay đổi thông tin)

I. Đối với người chưa được cấp mã số BHXH (người tham gia chỉ kê khai từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [13] dưới đây).

- [01]. Họ và tên (viết chữ in hoa):
[02]. Ngày, tháng, năm sinh: / / [03]. Giới tính:
[04]. Quốc tịch [05]. Dân tộc
[06]. Nơi đăng ký giấy khai sinh: [06.1]. Xã (phường, thị trấn):
[06.2]. Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh): [06.3]. Tỉnh (Tp):
[07]. Địa chỉ nhận kết quả: [07.1]. số nhà, đường phố, thôn xóm:
[07.2]. Xã (phường, thị trấn): [07.3] Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):.....
..... [07.4]. Tỉnh (Tp):
[08]. Số CMND/Hộ chiếu/Thẻ căn cước: [09]. Số điện thoại liên hệ:
[10]. Họ tên cha/mẹ/người giám hộ (đối với trẻ em dưới 6 tuổi):
[11]. Mức tiền đóng: [12]. Phương thức đóng:
(Chỉ tiêu [11], [12] chỉ áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện)
[13]. Nơi đăng ký khám bệnh, chữa bệnh ban đầu (không áp dụng đối với người tham gia BHXH tự nguyện):
[14]. Trường hợp người tham gia BHYT theo hộ gia đình được giảm trừ mức đóng thì kê khai thêm Phụ lục (Phụ lục kèm theo) và không phải nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, chứng minh thư, thẻ căn cước.

II. Đối với người đã được cấp mã số BHXH thay đổi thông tin ghi trên sổ BHXH, thẻ BHYT (người tham gia chỉ kê khai từ chỉ tiêu [01] đến chỉ tiêu [05] dưới đây)

- [01]. Họ và tên (viết chữ in hoa):
[02]. Ngày, tháng, năm sinh: / / [03]. Mã số BHXH:
[04]. Nội dung thay đổi, yêu cầu:
[05]. Hồ sơ kèm theo (nếu có):

XÁC NHẬN CỦA ĐƠN VỊ
(chỉ áp dụng đối với người lao động đang tham gia BHXH bắt buộc thay đổi họ, tên đệm, tên; ngày, tháng, năm sinh)

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai

....., ngày tháng năm

Người kê khai
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục Thành viên hộ gia đình

Họ và tên chủ hộ: Số điện thoại (nếu có):

Địa chỉ: Thôn (bản, tổ dân phố).....Xã (phường, thị trấn):.....

Huyện (quận, thị xã, Tp thuộc tỉnh):.....Tỉnh (Tp):

Stt	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày, tháng, năm sinh	Giới tính	Nơi cấp giấy khai sinh	Mối quan hệ với chủ hộ	Số CMND/ Thẻ căn cước/ Hộ chiếu	Ghi chú
A	B	1	2	3	4	5	6	7
1								
2								
3								
4								
...								

- Trường hợp chưa có mã số BHXH thì kê khai các chỉ tiêu tại phần I của Tờ khai tham gia và điều chỉnh thông tin BHXH, BHYT (Mẫu TK1-TS)
 - Người tham gia kê khai đầy đủ, chính xác các thành viên hộ gia đình, không phải xuất trình số hộ khẩu hoặc số tạm trú để chứng minh tình trạng tham gia.

Tôi cam đoan những nội dung kê khai là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những nội dung đã kê khai
, ngày tháng năm

Người kê khai
 (Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu D03-TS

(Ban hành kèm theo QĐ số 595/QĐ-BHXH
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)

DANH SÁCH NGƯỜI CHỈ THAM GIA BHYT

Số:..... tháng năm

Tên đơn vị:
Mã đơn vị:
Địa chỉ:

Lương cơ sở: đồng

Đối tượng tham gia

STT	Họ và tên	Mã số BHXH	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Nơi đăng ký KCB ban đầu	Biên lai, ngày tham gia		Tiền lương, trợ cấp hoặc số tiền đóng	Tỷ lệ NS hỗ trợ (%)	Thời hạn sử dụng thẻ		Ghi chú
						Số	Ngày			Số tháng	Từ ngày	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
I	Tăng											
I.1	Người tham gia											
I.2	Tiền lương											
	Cộng tăng											
	Giảm											
II.1	Người tham gia											
II.2	Tiền lương											
	Cộng giảm											

Tổng số thẻ BHYT đề nghị cấp:

..... ngày
.....tháng.....năm.....

....., ngàytháng.....năm.....

Cơ quan BHXH

Cơ quan quản lý đối tượng

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)